

Số: 402/2021/QĐST – HNGĐ

K, ngày 02 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N; Sinh năm 1982; HKTT: Thôn M, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Lê Chí H; Sinh năm 1978; HKTT: Thôn M, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Chí H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Chí H có 02 con chung là Lê Hồng G, sinh ngày 06/8/2003 và Lê Đức T, sinh ngày 21/9/2007. Khi ly hôn, giao con chung là Lê Đức T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu khác. Đối với con chung Lê Hồng G đã thành niên, Tòa án không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

2.2 *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Chí H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2020/0072934 ngày 22/11/2021.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T,
(Số ĐKKH 23/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung